TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **294**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Phạm Hữu T**, sinh năm 1990

CCCD số: 001090006778 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/05/2021

Nơi cư trú: Số H ngách C phố V, phường N, thành phố Hà Nội.

- Chị **Vũ Thị Thanh T1**, sinh năm 2004

CCCD số: 036304000797 do Bộ C cấp ngày ngày 12/3/2025

Nơi cư trú: Số H ngách C phố V, phường N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vũ Thị Thanh T1 và anh Phạm Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban n hân dân phường V, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 02/02/2024 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về tình cảm:* Anh Phạm Hữu T và chị Vũ Thị Thanh T1 thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung:

+ Con Phạm Vũ Anh T2; Sinh ngày: 12/10/2023.

Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận anh Trung trực T3 trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Vũ Anh T2; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T1 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung* (động sản và bất động sản): Anh Phạm Hữu T và chị Vũ Thị Thanh T1 xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- *Về các khoản vay nợ*: Anh Phạm Hữu T và chị Vũ Thị Thanh T1 xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Phạm Hữu T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006286 ngày 17/3/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội;
- UBND phường N, thành phố Hà Nội (CNKH số 12/2024)
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung